

48/2007

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 24/2023/HĐ-KHĐT

**Về việc thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc
phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023
Công ty CP than Cọc Sáu – Vinacomin**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 và Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Văn phòng Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 Fax : 024.62842546

Tài khoản số: 1221 000000 2208- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, TP. Hà Nội

Mã số thuế : 0101919181

Đại diện : Ông **Đỗ Mạnh Dũng** Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428 Fax: 02437550428

Tài khoản số: 111000037499 - tại Vietinbank - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản dưới đây:

Điều 1: Nội dung công việc:

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin.

Nội dung công việc chi tiết có phụ lục kèm theo.

Điều 2: Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến 31/12/2023

Tiến độ thực hiện: Theo yêu cầu của bên A

Điều 3: Chất lượng và số lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm: Công trình phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Số lượng sản phẩm: 01 bộ tài liệu + file số lưu toàn bộ tài liệu.

Điều 4: Giá trị, hình thức và thanh toán hợp đồng:

4.1 Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT 10%): **146.173.500 đồng** (có phụ lục chi tiết kèm theo)

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng)

Chi tiết giá Hợp đồng tại phụ lục kèm theo.

Khối lượng, giá trị thanh toán chính thức là khối lượng, giá trị bên B thực hiện được bên A nghiệm thu.

Khi có khối lượng phát sinh, điều chỉnh đơn giá thanh toán hai bên tiến hành lập phụ lục hợp đồng bổ sung.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp thuế GTGT của công việc thuộc hợp đồng này có sự thay đổi theo quy định của Nhà nước thì hai bên áp dụng thực hiện theo điều chỉnh của Nhà nước mà không cần ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

4.2 Loại hợp đồng: Trọn gói

4.3 Thanh toán

Giai đoạn 1: Sau khi bên B hoàn thành công việc 6 tháng đầu năm, hai bên lập biên bản xác nhận khối lượng, giá trị thực hiện Giai đoạn 1. Bên A sẽ thanh toán giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu giai đoạn và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B.

Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ công việc theo điều 1 của hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hoàn thành và biên bản thanh lý hợp đồng làm cơ sở để Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng (sau khi đã trừ giá trị thanh toán giai đoạn 1) cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

+ Trường hợp thương lượng không thành thì tranh chấp được đưa ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC). Phán xét của VIAC là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1- Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

6.2- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên chịu ảnh hưởng sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- + Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- + Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 7. Thương, phạt vi phạm hợp đồng

- Thương hợp đồng: Không

- Phạt vi phạm hợp đồng: Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo yêu cầu của Bên A.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1- Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức độ đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

8.2- Huỷ bỏ hợp đồng:

- + Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ theo yêu cầu của Bên A sau khi Bên A đã gửi văn bản nhắc nhở lần 3 thì Bên A sẽ đơn phương huỷ bỏ hợp đồng. Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên B gây ra kể cả phần làm chậm tiến độ.

- + Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

- + Bên huỷ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023)

TT	Công việc	Cách tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I Ngoại nghiệp						
1	Khảo sát vị trí lấy mẫu	2 người x 1 ngày x 1 lần	2	517.500	25.875.000	
2	Nhân công lấy mẫu và bảo quản mẫu				1.035.000	
	Nhân công lấy và bảo quản mẫu	(3 người x 2 ngày x 4 lần) + (2 người x 1 ngày x 8 lần) + (2 người x 1 ngày x 4 lần)	48	517.500	24.840.000	
II Nội nghiệp						
1	Thiết kế phương án lấy mẫu	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	47.610.000	
2	Xác định quy trình lấy mẫu,... số lượng mẫu kiểm soát chất lượng (mẫu QC)	2 người x 2 ngày x 4 lần	16	517.500	4.140.000	
3	Lập kế hoạch thực hiện bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC)	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	8.280.000	
4	Xử lý số liệu quan trắc	2 người x 2 ngày x 4 lần	16	517.500	4.140.000	
5	Nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện (QA/QC)	2 người x 3 ngày x 4 lần	24	517.500	8.280.000	
6	Viết thuyết minh	1 người x 3 ngày x 4 lần	12	517.500	12.420.000	
7	Thành lập bản đồ	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	6.210.000	
III Chi phí khác						
1	Công tác phí	(3 người x 2 ngày x 4 lần) + (2 người x 1 ngày x 8 lần) + (2 người x 1 ngày x 1 lần)	50	150.000	59.400.000	
2	Lưu trữ	3 người x 1 đêm x 4 lần	12	250.000	7.500.000	
3	Thuê xe quan trắc	1 ngày x 1 lần + 2 ngày x 4 lần + 1 ngày x 8 lần + 1 ngày x 4 lần	21	2.300.000	3.000.000	
4	In ấn, văn phòng phẩm,	1 quyển x 4 lần	4	150.000	48.300.000	
	Giá trị hợp đồng trước thuế	I+II			600.000	
	Thuế VAT (10%)				132.885.000	
	Giá trị hợp đồng sau thuế				13.288.500	
					146.173.500	

**PHỤ LỤC: SỐ LƯỢNG ĐIỂM QUAN TRẮC VÀ MẪU PHÂN TÍCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN**

(Kèm theo Hợp đồng 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05 tháng 01 năm 2023)

TT	Thông số	Số điểm	Tần suất (lần/năm)	Số mẫu phân tích
1	Môi trường nước			
	Nước thải sản xuất trước, sau trạm xử lý	2	12	24
	Nước thải sản xuất theo CV 421 của TKV	1	8	8
	Nước ngầm	3	4	12
	Nước mặt	2	4	8
	Nước thải sinh hoạt	1	12	12
	Nước sinh hoạt	2	4	8
2	Môi trường không khí			
	Khí - Bụi	17	4	68
	Vì khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió)	17	4	68
	Tiếng ồn, độ rung	17	4	68
3	Môi trường đất	2	4	8
Tổng cộng				284

7101 00 00

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG,
GIÁ TRỊ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**
Về việc thực hiện hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023

- Căn cứ Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, môi trường - Vinacomin và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023- Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin;

- Căn cứ các biên bản bàn giao mẫu Quan trắc môi trường năm 2023- Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin 06 tháng đầu năm 2023;

- Căn cứ biên bản bàn giao báo cáo kết quả Quan trắc môi trường năm 2023- Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin quý I, quý II năm 2023;

Hôm nay, ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Văn phòng Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CP TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG-VINACOMIN

- Ông: Đỗ Mạnh Dũng	Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Nguyễn Trường Chinh	Chức vụ: TP Tài chính kế toán
- Ông: Nguyễn Thành Nam	Chức vụ: TP. KHĐT
- Ông: Lê Anh Minh	Chức vụ: TP. Môi trường

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ-ĐỊA CHẤT

- Ông: Trần Đình Kiên	Chức vụ: Giám đốc
-----------------------	-------------------

I/ THỜI GIAN NGHIỆM THU

Bắt đầu hồi 13 giờ 30" ngày 26 tháng 6 năm 2023

Kết thúc hồi 15 giờ 00" ngày 26 tháng 6 năm 2023

II/ NỘI DUNG

Hai bên cùng thống nhất nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện 06 tháng đầu năm 2023 theo Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023.

1. Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất đã thực hiện và hoàn thành công việc tham gia lấy mẫu và lập báo cáo Quan trắc môi trường năm 2023- Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin 6 tháng đầu năm 2023 theo Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023.

2. Nội dung bàn giao bao gồm:

2.1 Công tác quan trắc, lấy mẫu, chi tiết theo các biên bản bàn giao

- Biên bản bàn giao mẫu Quan trắc môi trường năm 2023- Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin 06 tháng đầu năm 2023.

Số lượng mẫu Quan trắc môi trường năm 2023- Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin 06 tháng đầu năm 2023 do Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất bàn giao đảm bảo số lượng, chất lượng theo yêu cầu.

(Số lượng mẫu có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2.2 Công tác lập báo cáo

- Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường năm 2023- Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin quý I năm 2023.

- Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường năm 2023- Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin quý II năm 2023.

Chất lượng hồ sơ: Các báo cáo do bên B thực hiện đảm bảo đầy đủ theo nội dung hợp đồng; Phù hợp với Tiêu chuẩn quy định của Nhà nước cũng như của ngành, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, rõ ràng, sạch đẹp.

III/ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN

- Giá trị hợp đồng: 146.173.500 đồng (đã bao gồm VAT)

- Giá trị xác nhận 6 tháng đầu năm 2023: **73.086.750 đồng** (đã bao gồm VAT)

(Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)

(Giá trị xác nhận có phụ lục chi tiết kèm theo)

IV/ KẾT LUẬN

Biên bản là căn cứ để bên A thanh toán cho bên B giá trị thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B.

Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc



Đỗ Mạnh Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc



Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị ngày 26/06/2023)

T.T	Công việc	Cách tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Ngoại nghiệp					
1	Khảo sát vị trí lấy mẫu	2 người x 1 ngày x 1 lần	2	517.500	25.875.000	
2	Nhân công lấy mẫu và bảo quản mẫu				1.035.000	
-	Nhân công lấy và bảo quản mẫu	(3 người x 2 ngày x 4 lần)+(2 người x 1 ngày x 8 lần)+(2 người x 1 ngày x 4 lần)	48	517.500	24.840.000	
II	Nội nghiệp					
1	Thiết kế phương án lấy mẫu	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	47.610.000	
2	Xác định quy trình lấy mẫu,... số lượng mẫu kiểm soát chất lượng (mẫu QC)	2 người x 2 ngày x 4 lần	16	517.500	4.140.000	
3	Lập kế hoạch thực hiện bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC)	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	8.280.000	
4	Xử lý số liệu quan trắc	2 người x 2 ngày x 4 lần	16	517.500	4.140.000	
5	Nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện (QA/QC)	2 người x 3 ngày x 4 lần	24	517.500	8.280.000	
6	Viết thuyết minh	1 người x 3 ngày x 4 lần	12	517.500	12.420.000	
7	Thành lập bản đồ	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	6.210.000	
III	Chi phí khác				4.140.000	
1	Công tác phí	(3 người x 2 ngày x 4 lần)+(2 người x 1 ngày x 8 lần)+(2 người x 1 ngày x 1 lần)	50	150.000	59.400.000	
2	Lưu trú	3 người x 1 đêm x 4 lần	12	250.000	7.500.000	
3	Thuế xe quan trắc	1 ngày x 1 lần + 2 ngày x 4 lần + 1 ngày x 8 lần + 1 ngày x 4 lần	21	2.300.000	3.000.000	
4	In ấn, văn phòng phẩm,	1 quyển x 4 lần	4	150.000	48.300.000	
	Giá trị trước thuế	I+II			600.000	
	Thuế VAT (10%)				132.885.000	
	Giá trị sau thuế cả năm 2023				13.288.500	
	Giá trị sau thuế 6 tháng đầu năm 2023				146.173.500	
					73.086.750	

**PHỤ LỤC SỐ LƯỢNG ĐIỂM QUAN TRẮC VÀ MẪU PHÂN TÍCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN**

(kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị 26/6/2023)

TT	Thông số	Số điểm	Tần suất (lần/năm)	Số mẫu phân tích
1	Môi trường nước			
	Nước thải sản xuất trước, sau trạm xử lý	2	6	12
	Nước thải sản xuất theo CV 421 của TKV	1	4	4
	Nước ngầm	3	2	6
	Nước mặt	2	2	4
	Nước thải sinh hoạt	1	6	6
	Nước sinh hoạt	2	2	4
2	Môi trường không khí			
	Khí - Bụi	17	2	34
	Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió)	17	2	34
	Tiếng ồn, độ rung	17	2	34
3	Môi trường đất	2	2	4
Tổng cộng				142

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----***-----

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
(Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023)

Căn cứ Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, môi trường - Vinacomin và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin;

Căn cứ Nghị định 44/2023/NĐ - CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ biên bản nghiệm thu 6 tháng đầu năm 2023;

Căn cứ các biên bản bàn giao mẫu Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin;

Căn cứ biên bản bàn giao báo cáo kết quả Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin quý III, quý IV năm 2023;

Hôm nay, ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại Văn phòng Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CP TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Ông: Đỗ Mạnh Dũng

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Văn Minh

Chức vụ: TP. KHĐT

Ông: Nguyễn Trường Chinh

Chức vụ: TP Tài chính kế toán

Ông: Lê Anh Minh

Chức vụ: TP. Môi trường

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

I/ THỜI GIAN NGHIỆM THU

Bắt đầu hồi 11 giờ 15' ngày 19 tháng 12 năm 2023

Kết thúc hồi 11 giờ 45' ngày 19 tháng 12 năm 2023

II/ NỘI DUNG

Hai bên cùng thống nhất nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023, cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất đã thực hiện và hoàn thành công việc tham gia lấy mẫu và lập báo cáo Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin theo Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023.

2. Nội dung bàn giao bao gồm:

2.1. Công tác quan trắc, lấy mẫu, chi tiết theo các biên bản bàn giao

Các biên bản bàn giao mẫu Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin.

Số lượng mẫu Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin do Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất bàn giao đảm bảo số lượng, chất lượng theo yêu cầu.

(Số lượng mẫu có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2.2. Công tác lập báo cáo

Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin quý III năm 2023.

Báo cáo kết quả Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin quý IV năm 2023.

Chất lượng hồ sơ: Các báo cáo do bên B thực hiện đảm bảo đầy đủ theo nội dung hợp đồng; Phù hợp với Tiêu chuẩn quy định của Nhà nước cũng như của ngành, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, rõ ràng, sạch đẹp.

III. GIÁ TRỊ THỰC HIỆN

Giá trị hợp đồng: **146.173.500** đồng (đã bao gồm VAT 10%)

Giá trị thực hiện: **144.844.650** đồng (đã bao gồm VAT)

Giá trị đã xác nhận: **73.086.750** đồng (đã bao gồm VAT 10%)

Giá trị xác nhận lần này: Theo quy định tại Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, đối với khối lượng thực hiện từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8%, giá trị xác nhận lần này là: **71.757.900** đồng (đã bao gồm VAT 8%)

(Bằng chữ: Bảy mươi một triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm đồng)

(Giá trị xác nhận có phụ lục chi tiết kèm theo)

IV. KẾT LUẬN

Bên A đồng ý nghiệm thu khối lượng, giá trị do bên B thực hiện.

Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc



Đỗ Mạnh Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc



Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày 19/12/2023 Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/01/2023)

TT	Công việc	Cách tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Giá trị thực hiện 6 tháng đầu năm (VAT 10%)	Giá trị thực hiện 6 tháng cuối năm (VAT 8%)
I	Ngoại nghiệp				25.875.000	12.937.500	12.937.500
1	Khảo sát vị trí lấy mẫu	2 người x 1 ngày x 1 lần	2	517.500	1.035.000	517.500	517.500
2	Nhân công lấy mẫu và bảo quản mẫu				24.840.000	12.420.000	12.420.000
-	Nhân công lấy và bảo quản mẫu	(3 người x 2 ngày x 4 lần) + (2 người x 1 ngày x 8 lần) + (2 người x 1 ngày x 4 lần)	48	517.500	24.840.000	12.420.000	12.420.000
II	Nội nghiệp				47.610.000	23.805.000	23.805.000
1	Thiết kế phương án lấy mẫu	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	4.140.000	2.070.000	2.070.000
2	Xác định quy trình lấy mẫu,... số lượng mẫu kiểm soát chất lượng (mẫu QC)	2 người x 2 ngày x 4 lần	16	517.500	8.280.000	4.140.000	4.140.000
3	Lập kế hoạch thực hiện bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC)	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	4.140.000	2.070.000	2.070.000
4	Xử lý số liệu quan trắc	2 người x 2 ngày x 4 lần	16	517.500	8.280.000	4.140.000	4.140.000
5	Nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện (QA/QC)	2 người x 3 ngày x 4 lần	24	517.500	12.420.000	6.210.000	6.210.000
6	Viết thuyết minh	1 người x 3 ngày x 4 lần	12	517.500	6.210.000	3.105.000	3.105.000
7	Thành lập bản đồ	1 người x 2 ngày x 4 lần	8	517.500	4.140.000	2.070.000	2.070.000
III	Chi phí khác				59.400.000	29.700.000	29.700.000
1	Công tác phí	(3 người x 2 ngày x 4 lần) + (2 người x 1 ngày x 8 lần) + (2 người x 1 ngày x 4 lần + 2 người x 1 ngày x 1 lần)	50	150.000	7.500.000	3.750.000	3.750.000
2	Lưu trú	3 người x 1 đêm x 4 lần	12	250.000	3.000.000	1.500.000	1.500.000
3	Thuê xe quan trắc	1 ngày x 1 lần + 2 ngày x 4 lần + 1 ngày x 8 lần + 1 ngày x 4 lần	21	2.300.000	48.300.000	24.150.000	24.150.000
4	In ấn, văn phòng phẩm, ...	1 quyển x 4 lần	4	150.000	600.000	300.000	300.000
	Giá trị hợp đồng trước thuế	I+II+III			132.885.000	66.442.500	66.442.500
	Thuế VAT				13.288.500	6.644.250	5.315.400
	Giá trị hợp đồng sau thuế				146.173.500	144.844.650	

PHỤ LỤC SỐ LƯỢNG ĐIỂM VÀ SỐ MẪU PHÂN TÍCH

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày 19/12/2023 Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHDT ngày 05/01/2023)

STT	Thông số	Số điểm	Tần suất (lần/ 6 tháng)	Tổng mẫu phân tích
1	Môi trường nước			
	Nước thải sản xuất trước, sau trạm xử lý	2	6	12
	Nước thải sản xuất theo CV 421 của TKV	1	8	8
	Nước ngầm	3	2	6
	Nước mặt	2	2	4
	Nước thải sinh hoạt	1	6	6
	Nước sinh hoạt	2	2	4
2	Môi trường không khí			
	Khí - Bụi	17	2	34
	Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió)	17	2	34
	Tiếng ồn, độ rung	17	2	34
3	Môi trường đất	2	2	4
	Tổng cộng			146

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
.....o0o.....

BIÊN BẢN THANH LÝ

Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/1/2023

- Căn cứ Hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/1/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, môi trường - Vinacomin và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất về việc thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin;

- Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành ngày 19 tháng 12 năm 2023;

Hôm nay, ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 Fax : 024.62842546

Tài khoản số: 1220002208 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, TP. Hà Nội

Mã số thuế : 0101919181

Đại diện : Ông **Đỗ Mạnh Dũng** Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30, Tạ Quang Bửu, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428 Fax: 02437550428

Tài khoản số: 111000037499 - tại Vietinbank - CN Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/1/2023 với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng thực hiện:

Bên B đã thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin cho Bên A theo đúng nội dung yêu cầu của hợp đồng số 24/2023/HĐ-KHĐT ngày 05/1/2023.

- Bên B đã bàn giao đầy đủ tài liệu theo hợp đồng cho Bên A.

- Hồ sơ đã được bên A nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu ngày 19 tháng 12 năm 2023

Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng:

- Giá trị theo hợp đồng: 146.173.500 đồng (đã bao gồm VAT)
- Giá trị thực hiện: 144.844.650 đồng (đã bao gồm VAT)
- Giá trị đã thanh toán: 73.086.750 đồng
- Giá trị còn lại phải thanh toán: 71.757.900 đồng

(Bằng chữ: Bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm đồng)

Điều 3. Điều khoản chung

- Hai bên thống nhất các nội dung theo biên bản thanh lý hợp đồng này.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý, bên B bàn giao đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho bên A.

Biên bản thanh lý này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Đỗ Mạnh Dũng

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên

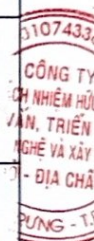
BIÊN BẢN XÁC NHẬN

**CÁN BỘ THAM GIA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SẢN XUẤT NĂM 2023-2024
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tổng giá trị HĐ	Giá trị thực hiện	Ngày quyết toán	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên tham gia
1	T/h một phần công việc Lập PAKT, Phương án thi công thuộc PA thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2793/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ than Khe Châm III, TP Cẩm Phả, T Quảng Ninh	110/2019/HĐ-KHĐT (78/2019-CODECO)	30/10/2019	431.963.522	34.688.622	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
2	Đo đạc, khảo sát, quan trắc lưu lượng nước trên mặt, chỉnh lý bản đồ địa chất thủy văn mỏ: quét, số hóa các bản vẽ thuộc công trình: quan trắc địa chất thủy văn mỏ Bình Minh, đánh giá mối quan hệ giữa nước mặt và nước hầm lò	178/2022/HĐ-KHĐT (94/2022-CODECO)	22/07/2022	237.787.359	237.787.359	17/10/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
3	Thực hiện một phần công việc vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động TKV năm 2023	01/2023/HĐ-KHĐT (121/2023-CODECO)	03/01/2023	217.330.439	213.378.976	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
4	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	23/2023/HĐ-KHĐT (116/2023-CODECO)	05/01/2023	98.604.000	96.811.200	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
5	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin	24/2023/HĐ-KHĐT (48/2023-CODECO)	05/01/2023	146.173.500	71.757.900	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh
6	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường định kỳ (Khu khai trường Cao Sơn) và quan trắc môi trường các trạm xử lý nước thải sinh hoạt và Hệ thống khai thác nước mặt từ Moong lộ via 21 Khe Châm Công ty CP than Cao Sơn -TKV năm 2023	42/2023/HĐ-KHĐT (117/2023-CODECO)	17/02/2023	141.234.500	138.666.600	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền



7	Thực hiện một phần công việc quan trắc môi trường mỏ than Đèo Nai năm 2023, công ty Cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin	53/2023/HĐ-KHĐT (120/2023-CODECO)	01/03/2023	52.442.500	51.489.000	20/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
8	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	56/2023/HĐ-KHĐT (49/2023-CODECO)	03/03/2023	63.481.000	31.163.400	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
9	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	65/2023/HĐ-KHĐT (118/2023-CODECO)	14/03/2023	103.158.000	101.282.400	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh
10	Lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty than Mông Dương - Vinacomin	71/2023/HĐ-KHĐT (60/2023-CODECO)	20/03/2023	175.793.181	161.174.376	27/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
11	Thực hiện Quan trắc lún, quan trắc chuyển dịch ngang và quan trắc thấm. Hạng mục công trình: Đập hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 1 giai đoạn 2 và đập hồ Cầu tư năm 2023 - Chu kỳ 2	97/2023/HĐ-KHĐT (68/2023-CODECO)	05/04/2023	263.331.745	258.543.895	06/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
12	Thực hiện một phần công việc lập báo cáo tổng hợp chính lý tài liệu địa chất phục vụ dự án khai thác hầm lò mỏ Đồng Vông	134/2023/HĐ-KHĐT (62/2023-CODECO)	11/05/2023	130.188.856	127.821.785	28/11/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
13	Thi công Quan trắc dịch động các mái taluy khu vực Quang Lật Cánh Gà, Trạm Quạt +139 TVD, +215 Cánh Gà và khu vực địa hình phía trên lò chợ cơ giới hóa CI-8-5 - Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin năm 2023	176/2023/HĐ-KHĐT (70/2023-CODECO)	15/06/2023	516.123.170	506.739.113	26/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
14	Thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/08/2009 mỏ than Uông Thượng	212/2023/HĐ-KHĐT (78/2023-CODECO)	18/07/2023	571.337.353	598.855.046	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
15	Thực hiện một phần công việc Lập Báo cáo tổng hợp tài liệu, tính trữ lượng phục vụ quyết toán tài nguyên giấy phép khai thác số 2789/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 và giấy phép khai thác số 141/GP-BTNMT ngày 01/02/2013 mỏ than Vàng Danh	271/2022/HĐ-KHĐT (109/2022-CODECO)	21/12/2022	131.397.035	129.007.998	26/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh



16	Đo vẽ, chỉnh lý bản đồ địa chất tỷ lệ 1/5.000 diện tích 6,22km ² (vùng có phụ cấp KV 0,1) thuộc CT: thi công Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi được phép khai thác mỏ than Khe Châm II-IV thuộc P Mông Dương, TP Cẩm Phả, t Quảng Ninh theo GP khai thác số 248/GP-BTNMT ngày 07/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	290/2023/HĐ-KHĐT (101/2023-CODECO)	24/10/2023	625.543.047	625.543.047	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
17	Lập phương án kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) - dự toán đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi giấy phép khai thác số 248/GP-TNMT ngày 07/10/2022 mỏ Khe Châm II-IV Công ty Than Ha Long - TKV	91/2023/HĐ-KHĐT (61/2023-CODECO)	28/03/2023	860.369.231	272.859.054	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Thị Vân Anh Lê Thị Ngọc Tú

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY *Auy*



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lan

